

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2020/HS-PT

Ngày 16 - 9 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Danh

Ông Nguyễn Vĩnh Thành

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thuý Dương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Văn - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 93/2020/TLPT-HS ngày 29 tháng 7 năm 2020 do có kháng cáo của người bị hại chị Nguyễn Thị C đối với bản án hình sự sơ thẩm số 41/2020/HSST ngày 26 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Các bị cáo:

1. Lê Thị Tố U, tên gọi khác: Không; sinh ngày 06 tháng 10 năm 1995; nơi cư trú: Thôn L, xã Y, huyện E, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Văn M, sinh năm 1972 và bà: Nguyễn Thị H (H1), sinh năm: 1977; chồng: Ngô Đại T, sinh năm: 1990; con: Có 01 con sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, (có mặt).

2. Lê Thị Tố N, tên gọi khác: Không; sinh ngày 22 tháng 01 năm 2001; nơi cư trú: Thôn L, xã Y, huyện E, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Văn M, sinh năm 1972 và bà: Nguyễn Thị H (H1), sinh năm: 1977; chồng, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, (có mặt).

3. Lê Thị Vân A, tên gọi khác: Không; sinh ngày 19 tháng 3 năm 1998; nơi cư trú: Thôn Phú Phong, xã P, huyện E, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Văn M, sinh năm 1972 và bà: Nguyễn Thị H (H1), sinh năm: 1977; chồng: Nguyễn Văn G, sinh năm: 1986; con: 02 con (lớn sinh năm 2017, nhỏ sinh năm 2019); tiền án, tiền sự: Không. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, (có mặt).

Người bị hại có kháng cáo: Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1982; nơi cư trú: Thôn X, xã Đ, huyện Z, tỉnh Tuyên Quang, (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt N sau:

Khoảng 09 giờ 00 phút ngày 02/01/2020, Lê Thị Tố U, đang ở quán bán hàng của mình ở thành phố I thì nhận được điện thoại của em gái là Lê Thị Vân A. Qua điện thoại A nói với U về việc khoảng 08 giờ cùng ngày A sang nhà mẹ đẻ và được Lê Thị Tố N (là em gái ruột của U, A) nói cho biết việc bà Nguyễn Thị H (tên gọi khác là H1), bị ông Lê Văn M đánh (bà H, ông M là bố, mẹ đẻ của U, A, N). Do bức xúc về việc ông M có quan hệ bất chính với chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1982, nên khoảng 15 giờ 00 phút cùng ngày U đi xe taxi đến gặp A và N ở quán trà chanh W ở xã P, huyện E (là quán của A) và cùng A, N đi xe taxi đến quán “Hát cho nhau nghe” ở xã J, huyện V do anh Lê Anh F và ông M làm chủ để cảnh cáo chị C không cho chị C làm phiền đến gia đình mình nữa. Khi đến nơi, gặp chị C đứng tại khu vực quầy lễ tân của quán, U hỏi “Có phải là C không” thì chị C nói “Vâng”. Sau đó, U, A và N dùng tay túm tóc chị C lôi ra khu vực cổng quán giáp đường liên huyện V – E, U dùng chân phải đá một phát trúng vào vùng bụng của chị C rồi U, A và N du đẩy làm chị C bị đập lưng vào hàng rào bằng kim loại của quán, N dùng chân phải đạp 02 phát vào bụng chị C. Trong khi giằng co thì chị C bị ngã ra cổng quán rồi U, A và N dùng tay tát nhiều phát vào mặt của chị C. U, N giữ tay chị C, A dùng hai tay tụt quần dài, quần lót của chị C xuống đến đầu gối. Chị C giãy giụa, kháng cự nên A giữ tay chị C để U dùng tay tụt nốt quần dài, quần lót của chị C ra khỏi chân ném vào rệ hàng rào của quán hát làm lộ toàn bộ phần bụng dưới, âm hộ, đùi chị C. Trong khi giằng co thì chị C bị rơi 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 3GS có số model A1303FCCID:BCGA1303A xuống đất. N nhặt chiếc điện thoại lên đưa cho U, U ném chiếc điện thoại của chị C về phía cạnh hàng rào của quán làm chiếc điện thoại bị vỡ. U ngồi đề lên người chị C, A giữ tay chị C còn N chạy vào trong quán lấy một chiếc kéo bằng kim loại. Sau đó, chị C tự cởi áo khoác của mình quấn quanh phần hông phía trước để che âm hộ rồi định bỏ chạy ra ngoài đường thì U, A và N dùng tay kéo chị C quay lại bắt quỳ xuống. U

dùng chân phải đá một phát trúng mặt chị C còn N dùng tay phải cầm kéo, tay trái túm tóc chị C cắt 01 nắm tóc của chị C và ném xuống đất. Sau đó, U, A và N tiếp tục chửi bới chị C rồi lên xe taxi đi về còn chị C bị thương đi điều trị tại Trung tâm y tế huyện V. Tại hồ sơ bệnh án của Trung tâm y tế huyện V xác định chị Nguyễn Thị C vào viện ngày 03/01/2020, xuất viện ngày 09/01/2020, chẩn đoán chị Nguyễn Thị C: Đa chấn thương vùng đầu mặt, thắt lưng trái, bụng do bị đánh. Tại hồ sơ bệnh án số 474/2020 (điều trị từ ngày 09/01/2020 đến ngày 16/01/2020 ra viện) của Trung tâm y tế huyện V chẩn đoán chị Nguyễn Thị C chấn thương răng 4.2 + mất phải sau bị đánh/Răng 4.2 viêm quanh răng. Tại hồ sơ bệnh án số 783/2020 (điều trị từ ngày 17/01/2020 đến ngày 21/01/2020 ra viện) của Trung tâm y tế huyện V chẩn đoán chị Nguyễn Thị C rối loạn chức năng tiền đình.

Ngày 04/01/2020 chị Nguyễn Thị C có đơn trình báo đến Công an huyện V. Sau khi nhận được tố giác của chị Nguyễn Thị C, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã tổ chức kiểm tra, xác minh theo quy định của pháp luật. Quá trình kiểm tra đã tạm giữ: Một số sợi tóc màu vàng tại hiện trường, 01 chiếc quần lót màu xanh ghi, cặp quần rộng 30cm, đũng quần đến cặp quần dài 20cm, quần đã cũ đã qua sử dụng; 01 chiếc quần dài nền màu trắng có hoa màu đỏ đen, dài 75cm, cặp quần rộng 22cm, quần có 02 ống mỗi ống rộng 28cm, đũng quần có 01 vết rách sứt chỉ dài 12cm, quần đã cũ đã qua sử dụng; một số sợi tóc màu vàng, sợi dài nhất 25cm, sợi ngắn nhất 15cm do chị C giao nộp; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5S, màu vàng số IMEI 013846003039873, đã cũ bị hư hỏng cong xương vỡ vỏ bung lắp camera, màn hình nứt vỡ, không lên nguồn, hỏng camera; 01 chiếc điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu Iphone 3GS có số model: A1303FCCID:BCGA1303A, bị vỡ hỏng màn hình không hoạt động được. Thu giữ 01 đoạn video được trích xuất từ camera an ninh của gia đình anh Nguyễn Đức K, sinh năm 1973, trú tại xã J, huyện V; 01 đoạn video trích xuất từ điện thoại di động do C giao nộp. Số đồ vật, tài sản trên được niêm phong theo đúng quy định.

Ngày 07/01/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V ra Quyết định trưng cầu Trung tâm Pháp y tỉnh Vĩnh Phúc giám định Pháp y về thương tích đối với chị Nguyễn Thị C. Ngày 06/02/2020, Trung tâm Pháp y tỉnh Vĩnh Phúc có Bản kết luận giám định Pháp y về thương tích số 19/TgT, kết luận:

** Dấu hiệu chính qua giám định: Các vết bầm tím đã mô tả trên khi nào điều trị ổn định giám định bổ sung. Rối loạn tuần hoàn não vùng thái dương bên trái nhẹ và trạng thái kích thích vỏ não hai bán cầu và lưng lay răng 4.2, viêm tụt lợi quanh chân răng: Không có trong danh mục xếp tỷ lệ phần trăm tổn hại sức khỏe. Hiện tại các thương tích đã mô tả trên không ảnh hưởng thẩm mỹ chức*

năng. Cơ chế hình thành vết thương: Các thương tích đã mô tả trên là do vật tày gây nên.

** Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên ở thời điểm hiện tại là: Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT- BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế Quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định Pháp y, Pháp y tâm thần, tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể xếp là 00% (Không phần trăm). Theo ngU tắc cộng lùi.*

** Kết luận khác: Kèm theo 01 bản ảnh thương tích số 19/TgT ký ngày 06/02/2020.*

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã thông báo kết luận giám định thương tích nêu trên cho chị Nguyễn Thị C, Lê Thị Tố U, Lê Thị Tố N, Lê Thị Vân A biết. U, A, N đồng ý với kết luận giám định thương tích nêu trên còn chị C không đồng ý với lý do tỷ lệ tổn thương 00% là thấp so với thực tế.

Ngày 10/02/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V ra Quyết định trưng cầu Trung tâm Pháp y tỉnh Vĩnh Phúc giám định bổ sung Pháp y về thương tích đối với chị Nguyễn Thị C. Ngày 18/02/2020, Trung tâm Pháp y tỉnh Vĩnh Phúc có Bản kết luận giám định Pháp y bổ sung về thương tích số 19/TgT ký ngày 06/02/2020, kết luận:

** Dấu hiệu chính qua giám định: Vết nám da màu trắng ngà mi dưới mắt phải, xếp 01%. Viêm tiêu quanh chân răng 4.2 không có trong danh mục xếp tỷ lệ phần trăm tổn hại sức khỏe.*

** Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên ở thời điểm hiện tại là: Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT- BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế Quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định Pháp y, Pháp y tâm thần, tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể xếp là 01% (Một phần trăm).*

** Kết luận khác: Kèm theo 01 bản ảnh thương tích số 65/TgT ký ngày 18/02/2020.*

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã thông báo kết luận giám định thương tích nêu trên cho chị Nguyễn Thị C, Lê Thị Tố U, Lê Thị Tố N, Lê Thị Vân A biết. U, A, N và chị C đều đồng ý với kết luận giám định thương tích bổ sung nêu trên và không có ý kiến thắc mắc gì. Ngày 10/02/2020 chị Nguyễn Thị C có đơn đề nghị khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can đối với Lê Thị Tố U, Lê Thị Vân A, Lê Thị Tố N về hành vi Cố ý gây thương tích và làm nhục mình vào ngày 02/01/2020 tại xã J, huyện V.

Ngày 07/01/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V ra Yêu cầu định giá tài sản, yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng Hình sự huyện V định giá 02 chiếc điện thoại di động bị hư hỏng trong vụ việc trên. Ngày 10/01/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện V có Bản kết

luận định giá tài sản số 04/KLĐG, kết luận: “*Giá trị thiệt hại tài sản của 01 chiếc điện thoại di động Iphone 5s màu vàng, 32Gb, số IMEI: 013846003039873 bị cong xuong máy, vỡ vỏ, bung nắp camera, hỏng camera, màn hình bị nứt vỡ, hỏng nguồn là 700.000 đồng (bảy trăm nghìn đồng chẵn). Giá trị thiệt hại của 01 chiếc điện thoại di động Iphone 3GS màu đen có số model: A1303FCCID:BGGA1303A bị vỡ màn hình, điện thoại hư hỏng không hoạt động được là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng chẵn). Tổng giá trị thiệt hại tài sản của 02 chiếc điện thoại di động có đặc điểm nêu trên là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng chẵn)*”.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã thông báo nội dung các bản kết luận định giá nêu trên cho chị Nguyễn Thị C, Lê Thị Tố U, Lê Thị Vân A, Lê Thị Tố N biết theo quy định. Tất cả đều đồng ý và không đề nghị gì.

Ngày 07/01/2020 và ngày 03/3/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V ra Quyết định trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc giám định kỹ thuật số và điện tử số 62, 165 đối với đoạn video thu giữ được từ Camera an ninh của gia đình anh Nguyễn Đức K.

Ngày 16/01/2020, Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc có Kết luận giám định số 142/KLĐGĐ, kết luận: *Trích xuất được 13 ảnh từ 01 tệp tin video gửi giám định trong khoảng thời gian từ 05 giờ 03 phút 00 giây đến 05 giờ 15 phút 00 giây ngày 02/01/2020 (Theo thời gian hiển thị trên video). Chi tiết được thể hiện trong 01 Bản ảnh giám định.*

Ngày 11/3/2020, Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc có Kết luận giám định số 483/KLĐGĐ, kết luận: *Trích xuất được 04 (bốn) ảnh đặc điểm và biển kiểm soát của 01 (một) phương tiện là xe ô tô xuất hiện trên 01 (một) tệp tin video gửi giám định, thời gian từ 04 giờ 56 phút 30 giây đến 04 giờ 04 phút 50 giây ngày 02/01/2020. Chi tiết được thể hiện trong 01 (một) bản ảnh giám định.*

Ngày 03/03/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V ra Quyết định trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc số 163 giám định kỹ thuật số và điện tử đối với đoạn video do chị Nguyễn Thị C giao nộp. Ngày 11/3/2020, Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc có Kết luận giám định số 484/KLĐGĐ, kết luận: *Trích xuất được 06 (sáu) ảnh đặc điểm, diễn biến của những người xuất hiện trên 01 (một) tệp tin video gửi giám định. Trích xuất được 03 (Ba) ảnh nhận dạng 03 (ba) người nam xuất hiện trong 01 (một) tệp tin video gửi giám định. Toàn bộ ảnh chụp được thể hiện trong 01 (một) bản ảnh giám định.*

Với nội dung nêu trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2020/HSST ngày 26/6/2020, Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc đã quyết định:

TU bổ các bị cáo Lê Thị Tố U, Lê Thị Tố N, Lê Thị Vân A phạm tội “Làm nhục người khác”.

Áp dụng: khoản 1 Điều 155; khoản 1, 2 Điều 36; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Phạt bị cáo Lê Thị Tố U 02 (Hai) năm cải tạo không giam giữ;

Phạt bị cáo Lê Thị Tố N 02 (Hai) năm cải tạo không giam giữ;

Phạt bị cáo Lê Thị Vân A 01 (Một) năm 9 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ;

Áp dụng Điều 46, Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 590, Điều 592 của Bộ luật dân sự: Buộc các bị cáo Lê Thị Tố U, Lê Thị Tố N, Lê Thị Vân A phải liên đới bồi thường cho chị Nguyễn Thị C số tiền 27.200.151đ (Hai bảy triệu hai trăm nghìn một trăm năm một đồng). Trong đó kỷ phần của bị cáo N là: 9.066.717đ; bị cáo A là: 9.066.717đ; bị cáo U là $9.066.717đ + 300.000đ = 9.366.717đ$.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tU về quyền đề nghị thi hành án, xử lý vật chứng, án phí và tU quyền KHÁNG cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 02/7/2020 người bị hại chị Nguyễn Thị C kháng cáo đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xem xét tăng mức hình phạt đối với các bị cáo Lê Thị Tố U, Lê Thị Tố N, Lê Thị Vân A và không đồng ý mức bồi thường N Toà án nhân dân huyện V đã tuyên. Tại phiên tòa phúc thẩm chị C giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm, phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo; thiệt hại về sức khỏe, danh dự, nhân phẩm do các bị cáo gây ra đối với bị hại và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại Nguyễn Thị C sửa bản án sơ thẩm số 41/2020/HSST ngày 26/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc theo hướng xử phạt bị cáo N, bị cáo U mỗi bị cáo 02 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ; bị cáo A 02 năm cải tạo không giam giữ; không chấp nhận kháng cáo về tăng bồi thường của bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định N sau:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của chị Nguyễn Thị C làm trong hạn luật định, hợp lệ được xem xét giải quyết.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng tại cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố

tụng hình sự. Tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo; bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại gì, do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về nội dung: Tại cơ quan điều tra cũng N tại phiên tòa sơ thẩm, phiên tòa phúc thẩm các bị cáo Lê Thị Tố U, Lê Thị Tố N, Lê Thị Vân A thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình N nội dung bản án của Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, của người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án được cơ quan điều tra thu thập khách quan, hợp pháp. Từ đó có đủ cơ sở để xác định: Khoảng 17 giờ 00 phút ngày 02/01/2020 tại quán Karaoke “Hát cho nhau nghe” ở xã J, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc, các bị cáo Lê Thị Tố U, Lê Thị Vân A và Lê Thị Tố N do nghi ngờ về việc chị Nguyễn Thị C có quan hệ bất chính với ông Lê Văn M (là bố đẻ của các bị cáo) nên các bị cáo đã có hành vi túm tóc, dùng chân đạp, đá vào bụng của chị C, dùng tay tát nhiều phát vào mặt, vào đầu chị C làm chị C bị tổn hại sức khỏe 01%, đồng thời các bị cáo thực hiện hành vi tụt quần dài, quần lót của chị C ra khỏi chân và dùng kéo cắt tóc chị C và chửi bới chị C.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Lê Thị Tố U, Lê Thị Tố N và Lê Thị Vân A về tội “Làm nhục người khác” theo khoản 1 Điều 155 Bộ luật Hình sự là có căn cứ đúng người, đúng tội, không oan sai.

[4] Xét kháng cáo của bị hại đề nghị tăng mức hình phạt đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến thân thể, nhân phẩm của người khác được pháp luật bảo vệ, hành vi của bị cáo còn gây mất trật tự trị an, bất bình trong dư luận quần chúng nhân dân tại địa phương. Khi quyết định hình phạt, Tòa án sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xử phạt bị cáo U, N mỗi bị cáo 02 năm cải tạo không giam giữ; bị cáo Lê Thị Vân A 01 năm 09 tháng cải tạo không giam giữ là phù hợp, do đó, kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với các bị cáo của chị C không được Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận.

[5] Xét kháng cáo của bị hại yêu cầu tăng bồi thường và bồi thường 02 chiếc điện thoại giống với 02 chiếc điện thoại cũ đã hư hỏng:

[5.1] Đối với kháng cáo yêu cầu tăng bồi thường, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét tính toán các khoản bồi thường do sức khỏe của chị Nguyễn Thị C bị xâm hại và danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm mà các bị cáo phải bồi thường theo quy định tại Điều 590, Điều 592 Bộ luật Dân sự như sau:

Về chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe người bị hại, Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận buộc các bị cáo phải bồi thường toàn bộ chi

phí có hóa đơn là 7.580.151đồng. Đối với tiền bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe: Do chị C bị tổn hại 01% sức khỏe, các vết thương không nghiêm trọng, không ảnh hưởng thẩm mỹ, không ảnh hưởng nhiều tới khả năng hoạt động, không có hóa đơn chứng từ do vậy Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu bồi thường này của chị C là phù hợp. Do đó, kháng cáo yêu cầu bồi thường số tiền mua thuốc bồi bổ sức khỏe không có hóa đơn 5.200.000đồng của chị C là không có căn cứ chấp nhận.

Về thu nhập thực tế bị mất, bị hại yêu cầu bồi thường số tiền 45.000.000 đồng do mất thu nhập: Tại phiên phúc thẩm chị C cho rằng thu nhập của chị là 15.000.000 đồng/tháng, do chị bị mất thu nhập 03 tháng nên yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền 45.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm chị C khẳng định chị đi làm không có Hợp đồng lao động, không có tài liệu nào chứng minh về việc chị C có thu nhập với số tiền trên, số tiền trên là chị làm việc theo thỏa thuận tại quán Hát. Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã xác minh về thu nhập của chị C, theo cung cấp của chính quyền địa phương thì thu nhập bình quân đầu người của người lao động tự do tại xã J là 200.000 đồng/ngày (Bút lục 238); chị C là lao động tự do, cho nên Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào nội dung cung cấp của UBND xã J để xem xét tính bồi thường cho chị C. Do chị C bị tổn hại 01% sức khỏe, các vết thương không nằm ở phần ảnh hưởng nhiều đến khả năng lao động, nên chị C chỉ không có khả năng lao động trong thời gian điều trị, Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào thời gian chị C phải đi nằm viện điều trị là 19 ngày (điều trị 03 đợt: từ ngày 03/01/2020 đến ngày 09/01/2020; từ ngày 09/01/2020 đến ngày 16/01/2020; từ ngày 17/01/2020 đến ngày 21/01/2020 để buộc các bị cáo phải bồi thường số tiền bị mất thu nhập cho chị C là: 19 ngày x 200.000đ/1 ngày = 3.800.000đ là có căn cứ. Do đó kháng cáo của chị C yêu cầu buộc các bị cáo phải bồi thường số tiền bị mất thu nhập 45.000.000 đồng là không có cơ sở để chấp nhận.

Đối với kháng cáo yêu cầu bồi thường tiền đi lại, ăn uống là 5.300.000đ, Hội đồng xét xử thấy rằng: Về tiền ăn uống, chị C không có hóa đơn chứng từ. Hơn nữa, yêu cầu bồi thường này đã được tính trong tiền thu nhập bị mất và đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét. Về tiền xe đi lại: Chị C không cung cấp được hóa đơn chứng từ. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đây là chi phí hợp lý nên đã chấp nhận các chi phí đi lại cho chị C với tổng số tiền 920.000đ, cụ thể: Chi phí đi đến Trung tâm y tế huyện V điều trị 03 lần là 360.000 đồng; chi phí đến Bệnh viện R chụp CT, điện não đồ là 400.000 đồng; chi phí đi đến Bệnh viện Quân y 109 khám là 160.000 đồng là phù hợp, nên kháng cáo yêu cầu bồi thường 5.300.000 đồng của chị C không có cơ sở chấp nhận.

Đối với kháng cáo yêu cầu bồi thường tổn thất về tinh thần với số tiền 86.324.920 đồng: Theo quy định tại khoản 2 Điều 590 của Bộ luật Dân sự thì

khoản bồi thường này không quá năm mươi lần mức lương cơ sở và theo quy định tại khoản 2 Điều 592 Bộ luật Dân sự thì khoản bồi thường này không quá mười lần mức lương cơ sở. Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc các bị cáo phải bồi thường cho chị C mười lần mức lương cơ sở 14.900.000 đồng là đã căn cứ vào mức độ tổn hại sức khỏe của chị C là 01% và căn cứ vào sự tổn thất về tinh thần của chị C do bị làm nhục. Do đó yêu cầu bồi thường tổn thất tinh thần của chị C là 86.324.920 đồng là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[5.2] Đối với 02 chiếc điện thoại di động bị hư hỏng, chị C yêu cầu các bị cáo phải mua trả 02 chiếc điện thoại giống 02 chiếc điện thoại bị hư hỏng, xét thấy: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa làm rõ bị cáo U là người trực tiếp làm hư hỏng chiếc điện thoại Iphone 3GS màu đen của chị C nên cần buộc bị cáo U phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại đối với chiếc điện thoại trên cho chị C, quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không đồng ý mua chiếc điện thoại mà đồng ý bồi thường theo quy định của pháp luật, căn cứ theo kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản thì chiếc điện thoại Iphone 3GS màu đen của chị C trị giá 300.000 đồng, cho nên Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc bị cáo U có trách nhiệm bồi thường cho chị C số tiền 300.000 đồng là đúng quy định.

Đối với chiếc điện thoại Iphone 5S màu vàng, Cơ quan điều tra đã tiến hành các biện pháp điều tra Nng đến nay không đủ căn cứ chứng minh, xác định chiếc điện thoại này hỏng từ khi nào và ai là người làm hư hỏng. Tại Biên bản ghi lời khai ngày 01/3/2020 (Bút lục 254-255), chị C khẳng định: Chị bị rơi một chiếc điện thoại Iphone 5S màu vàng ra đường, còn chiếc điện thoại Iphone 3 GS chị bị một trong ba người phụ nữ cướp trên tay rồi ném đi. Vì vậy không xác định được chiếc điện thoại Iphone 5S bị hỏng từ khi nào nên không đủ căn cứ để buộc các bị cáo bồi thường thiệt hại chiếc điện thoại này cho chị C.

Do đó, kháng cáo của chị C yêu cầu các bị cáo mua trả 02 chiếc điện thoại mới cùng loại không được Hội đồng xét xử phúc thẩm.

[6] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng, Tòa án cấp sơ thẩm buộc các bị cáo Lê Thị Tố U, Lê Thị Tố N và Lê Thị Vân A có trách nhiệm liên đới bồi thường về chi phí cứu chữa, mất thu nhập, tổn thất về tinh thần cho chị C tổng số tiền 27.200.151 đồng và buộc bị cáo U có trách nhiệm bồi thường cho chị C do làm hư hỏng điện thoại Iphone 3GS số tiền 300.000 đồng là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[7] Do vậy không có cơ sở để chấp nhận nội dung kháng cáo yêu cầu tăng mức hình phạt và bồi thường của chị Nguyễn Thị C.

[8] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[9] Án phí hình sự phúc thẩm: Đây là vụ án được khởi tố theo yêu cầu của người bị hại, Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị hại về phần hình sự. Do vậy bị hại phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Đối với kháng cáo của bị hại về phần dân sự, tuy không được chấp nhận. Nhưng đây là yêu cầu bồi thường thiệt hại về nhân phẩm nên bị hại được miễn nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Không chấp nhận kháng cáo của bị hại Nguyễn Thị C, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 41/2020/HSST ngày 26/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc.

[2] Áp dụng: Khoản 1 Điều 155; khoản 1, 2 Điều 36; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố các bị cáo Lê Thị Tố U, Lê Thị Tố N, Lê Thị Vân A phạm tội “Làm nhục người khác”.

Xử phạt bị cáo Lê Thị Tố U 02 (Hai) năm cải tạo không giam giữ;

Xử phạt bị cáo Lê Thị Tố N 02 (Hai) năm cải tạo không giam giữ;

Xử phạt bị cáo Lê Thị Vân A 01 (Một) năm 9 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ;

Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Y và Ủy ban nhân dân xã P, huyện E nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao các bị cáo Lê Thị Tố U, Lê Thị Tố N cho Ủy ban nhân dân xã Y, huyện E; giao bị cáo Lê Thị Vân A cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện E, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình các bị cáo Lê Thị Tố U, Lê Thị Tố N, Lê Thị Vân A có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Y, Ủy ban nhân dân xã P, huyện E trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo. Các bị cáo bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật thi hành án hình sự.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo Lê Thị Tố U, Lê Thị Tố N, Lê Thị Vân A.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 46, Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 590, Điều 592 của Bộ luật Dân sự:

Buộc các bị cáo Lê Thị Tố U, Lê Thị Tố N, Lê Thị Vân A phải liên đới bồi thường về chi phí cứu chữa, mất thu nhập, tổn thất về tinh thần cho chị Nguyễn

Thị C tổng số tiền 27.200.151 đồng, trong đó kỷ phần của mỗi bị cáo là 9.066.717 đồng.

Buộc bị cáo Lê Thị Tố U có trách nhiệm bồi thường cho chị C tiền làm hư hỏng điện thoại Iphone 3GS số tiền 300.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị C phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện V;
- TAND huyện V;
- Công an huyện V;
- UBND xã J, huyện V;
- UBND xã Y, xã P, huyện E, Vĩnh Phúc;
- Chi cục THADS huyện V;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, Toà Hình sự, HCTP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
Đã ký

Nguyễn Thị Thu Hà